

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 7 – 2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Xuân Thuận

2. Ông Điều Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXX - ST ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Mạnh T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 7, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Mạnh T trình bày:

Anh T và chị Đinh Thị Thu H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bù Gia Mập (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước vào ngày 24/6/2014. Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã và đã tự sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có một người con chung tên Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 07/5/2016. Khi ly hôn, anh T yêu cầu giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 10/6/2020 bị đơn chị Đinh Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 24/6/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị H đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 07/5/2020 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu V đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Lê Mạnh T khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với chị Đinh Thị Thu H đang cư trú tại: thôn 7, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Mạnh T và chị Đinh Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bù Gia Mập nay là huyện Phú Riềng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67/2014. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đồng thời, tại bản tự khai của ông Đinh Quang T1 (là cha ruột của chị H, bút lục 29) và trong đơn đề nghị xác nhận ngày 14/7/2020 (bút lục 34) cũng thể hiện tình trạng hôn nhân như anh T, chị H trình bày. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình sống ly thân, cháu V do chị H trực tiếp nuôi dưỡng nhưng vẫn đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu, đồng thời anh T và chị H đều thống nhất sau khi ly hôn cháu V sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh T về việc giao cháu Lê Ngọc Thảo V sinh ngày 07/5/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, anh Lê Mạnh T được ly hôn với chị Đinh Thị Thu H.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 07/5/2016 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Anh Lê Mạnh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 0006xxx ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Phần án phí anh T đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND thị xã Phước Long;
 - Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long;
 - UBND xã N, huyện Phú Riềng
- (số 67, ngày 24/6/2014);
- Các Đường sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Xuân Thuấn Điều Phương

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

